

TOÀ ÁN ND Q.LIÊN CHIỂU  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Bản án số: 02/2020/HSST

Ngày 28.9.2020

V/v “*Tranh chấp HĐ mua bán*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: bà Huỳnh Thị Lệ và ông Nguyễn Công Chi

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn V - Chủ Doanh nghiệp tư nhân PD; địa chỉ: 74 Huỳnh Tấn Phát, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Ông Nguyễn V ủy quyền cho bà Hồ Thị Hương S tham gia tố tụng (Theo giấy ủy quyền số 01/UQ/PD-2020 ngày 01.3.2020) có mặt

- Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T; địa chỉ: 126-127 Khu TĐC Quảng Thắng, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Thanh S, Chức vụ: Giám đốc Công ty. (*Vắng mặt, không có lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 07 tháng 3 năm 2020, tại Bản tự khai ngày 28 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty CP Đầu tư & xây dựng T (“Công ty T”) đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 0203/HĐKT/PD-TSB ngày 02/03/2019 với Doanh nghiệp tư nhân PD (“Doanh nghiệp PD”) để mua vật liệu xây dựng các loại.

Theo nội dung Hợp đồng, Doanh nghiệp PD đồng ý cung cấp vật liệu xây dựng gồm gạch, cát, đá, xi măng... với số lượng và đơn giá theo thỏa thuận cho Công ty T. Quá trình thực hiện Hợp đồng hai bên sẽ tiến hành đối chiếu công nợ theo số

lượng thực tế giao nhận vào ngày 30 hoặc 31 hàng tháng. Căn cứ vào công nợ đã đối chiếu, Doanh nghiệp PD sẽ xuất hóa đơn GTGT cho Công ty T và Công ty T sẽ thực hiện việc thanh toán 100% tiền hàng cho Doanh nghiệp PD trước khi đến hạn đối chiếu công nợ tiếp theo. Nếu Công ty T không thực hiện đúng điều khoản thanh toán nêu trên thì Doanh nghiệp PD có quyền ngưng cung cấp hàng, đồng thời Công ty T ngoài việc phải chịu lãi phạt chậm trả đối với số tiền chưa thanh toán còn phải chịu phạt vi phạm hợp đồng với mức lãi suất 0.05 %/ngày cho tổng giá trị chậm trả nếu thời gian chậm trả quá 60 ngày.

Thực hiện Hợp đồng kinh tế số 0203/HĐKT/PD-TSB ngày 02/03/2019 Doanh nghiệp PD đã xuất bán vật liệu xây dựng theo đề nghị của Công ty T và xuất đầy đủ Hóa đơn GTGT theo nội dung của Hợp đồng. Tuy nhiên, đến nay sau khi đã nhận đầy đủ hàng hóa theo yêu cầu cũng như Hồ sơ thanh toán hợp lệ từ phía Doanh nghiệp PD, Công ty T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của Hợp đồng. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2019, Công ty TSB xác nhận còn nợ Doanh nghiệp PD số tiền 493.600.000 đồng.

Đối với số công nợ nêu trên Doanh nghiệp PD đã nhiều lần trao đổi cũng như làm việc trực tiếp đề nghị Công ty T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng các nội dung của Hợp đồng. Và tại nội dung các buổi làm việc Công ty T cũng đã cam kết sẽ thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên cho Doanh nghiệp PD trong tháng 12/2019. Tuy nhiên, Ngày 17/01/2020 trả 50.000.000 đồng; ngày 08/04/2020 trả 100.000.000 đồng và ngày 02/5/2020 trả 100.000.000 đồng. Tổng cộng ba lần trả là 250.000.000 đồng. Tính đến ngày 28.9.2020 Công ty T còn nợ số tiền 243.600.000 đồng.

Nhận thấy việc Công ty T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 0203/HĐKT/PD-TSB ngày 02/03/2019 đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của Doanh nghiệp PD. Vì vậy, Tôi kính đề nghị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng xem xét giải quyết, qua đó buộc Công ty T thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho Doanh nghiệp PD như sau:

1. Buộc Công ty CP Đầu tư & xây dựng T thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 243.600.000 đồng (*hai trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn*) cho Doanh nghiệp tư nhân PD.

2. Buộc Công ty CP Đầu tư & xây dựng T thanh toán toàn bộ số tiền phạt vi phạm hợp đồng (tạm tính đến ngày 28.9.2020) là 34.298.600 đồng

3. Buộc Công ty CP Đầu tư & xây dựng T thanh toán toàn bộ số tiền lãi chậm thanh toán (tạm tính đến ngày 28.9.2020) là 9% = 24.351.700 đồng

Tổng số tiền mà Công ty T phải thanh toán cho Doanh nghiệp PD là: **302.250.300 đồng (ba trăm lẻ hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn, ba trăm đồng)**

\* Bị đơn Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên

hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hòa giải.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐX, thu ký phiên tòa: Quá trình Toa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình. Vụ án được giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại BLTTDS

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 234 BLTTDS. Còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa. Do đó, bị đơn đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 234 BLTTDS.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc Công ty CP đầu tư và xây dựng TSB ko thực hiện đúng thời gian thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng với ông Nguyễn V, Chủ Doanh nghiệp tư nhân PD là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Đối với tiền lãi do nợ quá hạn đại diện nguyên đơn yêu cầu số tiền là 24.351.700 đồng tính theo mức lãi suất cơ bản 9%/năm ứng với thời gian chậm trả từ ngày 12/12/2019 đến ngày 28/9/2020 là không vượt quá lãi suất của 3 liên ngân hàng theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với tiền phạt vi phạm đại diện nguyên đơn tính 0,05%/ngày đối với phần giá trị nghĩa vụ vi phạm của từng thời điểm tương ứng với số tiền là 34.298.600 đồng là không vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm quy định tại Điều 301 Luật Thương mại là phù hợp và cần chấp nhận.

Do đó, căn cứ Điều 117, 280 BLDS; Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. buộc Công ty CP đầu tư và xây dựng TSB phải trả tiền nợ gốc 243.600.000 đồng, tiền lãi do nợ quá hạn 24.351.700 đồng và phạt vi phạm 34.298.600 đồng cho ông Nguyễn V, Chủ Doanh nghiệp tư nhân PD

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:*

[1].Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa ông Nguyễn V-Chủ DNTN PD với Công ty CP đầu tư và xây dựng T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b, khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 11.9.2020 và cũng như phiên tòa hôm nay Tòa án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn Công ty CP đầu tư và xây dựng T, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn V-Chủ DNTN PD với Công ty CP đầu tư và xây dựng T, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty CP đầu tư và xây dựng T không văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn V-Chủ DNTN PD. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do ông Nguyễn V cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 02.3.2019, Ông Nguyễn V-Chủ DNTN PD và Công ty CP đầu tư và xây dựng T ký kết hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng số 0203/HĐKT/PD-TSB. Sau khi ký hợp đồng, bên B đã cung cấp hàng hóa cho bên A theo các báo giá, xác nhận đơn hàng giữa hai bên với. Theo dõi chiếu công nợ giữa Ông Nguyễn V-Chủ DNTN PD và Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T thì tính đến ngày 12.12.2019 Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T còn nợ số tiền là: 493.600.000 đồng. Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T đã thanh toán cho Ông Nguyễn V-Chủ DNTN PD với số tiền là: 250.000.000 đồng (Cụ thể: Ngày 17.01.2020 trả 50.000.000 đồng; ngày 08.4.2020 trả 100.000.000 đồng; ngày 02.5.2020 trả 100.000.000 đồng). Vậy Công ty T còn phải thanh toán số tiền 243.600.000 đồng.

Để đảm bảo quyền lợi của mình và theo quy định của pháp luật, ông Nguyễn V yêu cầu Tòa án buộc Công ty T phải thanh toán số tiền lãi và phạt cụ thể:

+ số tiền phạt vi phạm hợp đồng (tính từ ngày 12.02.2020 đến ngày 28.9.2020) là 34.298.600 đồng

+ số tiền lãi chậm thanh toán (tính từ ngày 12.12.2019 tạm tính đến ngày 28.9.2020) là 24.351.700 đồng

Tổng số tiền mà Công ty T phải thanh toán cho ông Nguyễn V - Chủ DNTN PD là: 302.250.300 đồng (*ba trăm lẻ hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn, ba trăm đồng*)

Xét nội dung tranh chấp trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: ông Nguyễn V-Chủ DNTN PD đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình là giao hàng hóa, số lượng, phương thức giao nhận đúng theo yêu cầu đặt hàng của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng T, hai bên có lập biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ vào ngày 31.10.2019 và ngày 12.12.2019. Tuy nhiên, phía Công ty T không thực hiện thanh toán như đã thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng và thời hạn thanh toán, việc vi phạm này đã làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn V-Chủ DNTN PD. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn V yêu cầu Công T phải thanh toán số tiền còn nợ là 243.600.000 đồng. HĐXX áp dụng các Điều 50,55 Luật thương mại; Điều

117, 280 BLDS buộc Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T có trách nhiệm phải thanh toán cho ông Nguyễn V-Chủ DNTN PD số tiền nợ **243.600.000** đồng là có cơ sở.

[3] Về lãi suất: Do Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên việc ông Nguyễn V-Chủ DNTN PD yêu cầu tính lãi chậm thanh toán như sau: số tiền phạt vi phạm hợp đồng (tạm tính đến ngày 28.9.2020) là 24.351.700 đồng (lãi suất tính theo lãi suất cơ bản 9%/năm)

HĐXX xét thấy: Căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại, trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, nhưng ông Nguyễn V-Chủ DNTN PD chỉ yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm là thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm cụ thể: căn cứ vào mức lãi suất của liên Ngân hàng là:  $(11\% + 10.3\% + 12\% = 33,3\%) : 3 = 11.1\%$ , HĐXX thấy phù hợp nên chấp nhận.

Về thời gian tính lãi: Căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ ngày 12.12.2019, do vậy thời gian tính lãi được tính kể từ ngày 12.12.2019 cho đến ngày 28.9.2020, cụ thể:

-Từ ngày 12.12.2019 đến ngày 16.01.2020 là 35 ngày= 493.600.000 đồng x 35 ngày x 0,025%= 4.319.000 đồng.

-Từ ngày 17.01.2020 đến ngày 07.4.2020 là 81 ngày= 443.600.000 đồng x 81 ngày x 0,025%= 8.982.900 đồng.

-Từ ngày 08.4.2020 đến ngày 01.5.2020 là 23 ngày= 343.600.000 đồng x 23 ngày x 0,025%= 1.975.700 đồng.

-Từ ngày 02.5.2020 đến ngày 28.9.2020 là 149 ngày= 243.600.000 đồng x 149 ngày x 0,025%= 9.074.100 đồng.

Cộng lãi là: **24.351.700 đồng**

[4] Về tiền phạt vi phạm: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn yêu cầu tính tiền phạt vi phạm là: (tạm tính đến ngày 28.9.2020) là 34.298.600 đồng.

HĐXX xét thấy: Căn cứ Điều 3 Hợp đồng kinh tế số 0203/HĐKT/PD-TSB ngày 02.3.2019 đã ký, căn cứ vào biên bản Đối chiếu công nợ ngày 12.12.2019 và mức tính lãi phạt của ông Nguyễn V là 0,05%/ ngày đối với phần giá trị nghĩa vụ vi phạm của từng thời điểm tương ứng với số tiền là 34.298.600 đồng là không vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm quy định tại Điều 301 Luật Thương mại là phù hợp và cần chấp nhận.

Thời gian tính là quá 60 ngày kể từ ngày vi phạm hợp đồng là ngày 12.12.2019 là ngày 12.02.2020 trên số tiền chậm trả, cụ thể:

-Từ ngày 12.02.2020 đến ngày 07.4.2020 là 55 ngày= 443.600.000 đồng x 46 ngày x 0,05%= 12.199.000 đồng.(không vượt 443.600.000 x8%= 35.488.000 đồng)



-Từ ngày 08.4.2020 đến ngày 01.5.2020 là 23 ngày= 343.600.000 đồng x 23 ngày x 0,05%= 3.951.400 đồng.(không vượt 343.600.000 x8%= 27.488.000 đồng)  
-Từ ngày 02.5.2020 đến ngày 28.9.2020 là 149 ngày= 243.600.000 đồng x 149 ngày x 0,05%= 18.148.200 đồng. (không vượt 243.600.000 x8%= 19.488.000 đồng)  
Cộng tiền phạt là: 34.298.600 đồng.

Do đó chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn V-Chủ DNTN PD buộc Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T thanh toán số tiền **302.250.300 đồng** (ba trăm lẻ hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn, ba trăm đồng). Trong đó tiền nợ gốc 243.600.000 đồng; tiền lãi 24.351.700 đồng và lãi phạt là 34.298.600 đồng.

[5] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.112.515 đồng (mười lăm triệu, một trăm năm mươi hai ngàn, năm trăm mười lăm đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: - Điều 50,55,300,301,306 Luật thương mại;  
- Điều 117,280 Bộ luật dân sự năm 2015;  
- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện ông Nguyễn V-Chủ DNTN PD đối với Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Tuyên xử: Buộc Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T có đại diện theo pháp luật là ông Võ Thanh S, chức vụ: giám đốc phải trả cho ông Nguyễn V-Chủ DNTN PD số tiền đến ngày 28.9.2020 là **302.250.300 đồng** (ba trăm lẻ hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn, ba trăm đồng). Trong đó tiền nợ gốc 243.600.000 đồng; tiền lãi 24.351.700 đồng và lãi phạt là 34.298.600 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chi khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T phải chịu là 15.112.515 đồng (mười lăm triệu, một trăm năm mươi hai ngàn, năm trăm mười lăm đồng)

+ Hoàn trả cho ông Nguyễn V-Chủ DNTN PD số tiền tạm ứng án phí 11.986.000 đồng (*mười một triệu, chín trăm tám mươi sáu ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0004333 ngày 28.4.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

**3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TANDTPĐN, VKSNDTPĐN
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THA quận Liên Chiểu;
- Hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thanh Thủy**

